TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **70**/2023/QĐST-HNGĐ	*Hương Trà, ngày 20 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Lê Đình Nhật C**, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Triều Sơn Trung, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Chị **Trịnh Lê Minh Ch**, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 42 Độc Lập, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình Nhật C và chị Trịnh Lê Minh Ch đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 26/01/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh C, chị Ch trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/7/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Lê Trịnh Min H, sinh ngày 17/6/2018 và Lê Đình Khải C, sinh ngày 30/6/2020. Anh C, chị Ch thỏa thuận giao cháu H, cháu C cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H, cháu C lần lượt đủ 18 tuổi; anh C cấp dưỡng cho con là cháu H, cháu C; mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu H, cháu C lần lượt đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận của anh C, chị Ch là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Đình Nhật C và chị Trịnh Lê Minh Ch không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh Lê Đình Nhật C và chị Trịnh Lê Minh Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình Nhật C và chị Trịnh Lê Minh Ch thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Trịnh Min H, sinh ngày 17/6/2018 và cháu Lê Đình Khải C, sinh ngày 30/6/2020 cho chị Trịnh Lê Minh Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Lê Đình Nhật C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là cháu H, cháu C mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H, cháu C lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiếp cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không ai có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Lê Đình Nhật C và chị Trịnh Lê Minh Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh C, chị Ch đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004833 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Anh C, chị Ch đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND xã Hương Toàn (Số 09 ngày 26/01/2018);
- Các đương sự;
- Lưu: dán; hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Vinh Phú